

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/DS-ST

Ngày: 22/04/2025

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Phương Anh

- Ông Đào Văn Vĩnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Văn Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Châu Ngọc Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “hợp đồng cầm cố tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ: số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền Công ty cổ phần S Có Ngay: Bà Nguyễn Thị L – Nhân viên Công ty cổ phần S Có Ngay. Địa chỉ liên hệ: Số A, khóm B, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Theo giấy ủy quyền số 886/2024/UQ-SVN ngày 15/12/2024 (có đơn vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trương Bé N, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2024, và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay và người đại diện theo ủy quyền của Công ty là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2024 Công ty cổ phần S có ký hợp đồng cầm cố tài sản với bà Trương Bé N, tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám, biển kiểm soát 94K2 – 312.59, số khung: RLCUE3720NY104134; số máy: E32VE581896; giấy chứng nhận đăng ký xe số 000536 do Công an Tỉnh B cấp ngày 01/6/2023 cho bà Trương Bé N; Do có nhu cầu đi lại nên giữa Công ty cổ phần S Có Ngay với bà N có ký kết hợp đồng mượn chiếc xe trên cùng ngày. Số tiền cầm cố 6.861.702 đồng, trừ phí đăng ký giao dịch đảm bảo 150.000 đồng, phí kiểm tra giá trị tài sản ban đầu 411.702 đồng. Đồng thời Công ty cổ phần S Có Ngay trừ đi số tiền 3.200.000 đồng bà N còn dư nợ của hợp đồng trước đó tính đến ngày ký kết hợp đồng mới (24/4/2024). Như vậy, số tiền mà bà N thực nhận là 3.100.000 đồng và Công ty đã chuyển khoản cho bà N ngày 24/4/2024.

Đơn khởi kiện Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà N thanh toán số tiền 10.566.980 đồng, trong đó tiền gốc 6.861.702 đồng, tiền lãi trong hạn 266.691 đồng, lãi quá hạn 133.346 đồng; tiền quản lý hồ sơ 121.223 đồng, phí trả chậm 386.723 đồng, phí tắt toán hợp đồng trước hạn 83.263 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 548.936 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe 1.309.213 đồng, chi phí tố tụng 855.883 đồng. Nay Công ty rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Công ty rút yêu cầu trả xe và rút tổng số tiền 1.713.783 đồng, trong đó tiền lãi quá hạn 266.691 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ 121.223 đồng; phí trả chậm 386.723 đồng, phí tắt toán hợp đồng trước hạn 83.263 đồng, chi phí tố tụng 855.883 đồng. Như vậy, số tiền mà Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà N thanh toán tính đến ngày 22/4/2025 là 10.364.601 đồng, trong đó nợ gốc 6.861.702 đồng, tiền lãi trong hạn 384.942 đồng, tiền lãi quá hạn 679.309 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 1.889.713 đồng, phí phạt vi phạm 548.936 đồng. Ngoài ra Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu lãi phát sinh (trong hạn, quá hạn), phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe từ ngày 23/4/2025 đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn bà Trương Bé N không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do nhiều lần Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bà N đến Tòa làm việc nhưng bà N không đến, Tòa án đến nhà lấy lời khai thì bà N không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án:

Về tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S đối với bà N; buộc bà N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 22/4/2025 là 10.364.601 đồng, trong đó nợ gốc 6.861.702 đồng, tiền lãi trong hạn 384.942 đồng, tiền lãi quá hạn 679.309 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 1.889.713 đồng, phí phạt vi phạm 548.936 đồng. Ngoài ra, bà N còn phải chịu lãi phát sinh (trong hạn, quá hạn), phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe từ ngày 23/4/2025 đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bà N về việc yêu thanh toán tổng số tiền 1.713.783 đồng, trong đó tiền lãi quá hạn 266.691 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ 121.223 đồng; phí trả chậm 386.723 đồng, phí tắt toán hợp

đồng trước hạn 83.263 đồng, chi phí tố tụng 855.883 đồng, yêu cầu trả xe. Do Công ty cổ phần S Có Ngay có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Về án phí dân sự có giá ngạch bà N phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 24 tháng 9 năm 2024, Công ty cổ phần S Có Ngay nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản với bị đơn bà Trương Bé N, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn bà N đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; riêng bà L là người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần S Có Ngay có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, bà L theo quy định điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc yêu cầu bà Trương Bé N có trách nhiệm thanh toán số tiền tính đến ngày 22/4/2025 là 10.364.601 đồng.

[2.1]. Căn cứ hợp đồng cầm cố lập ngày 24 tháng 4 năm 2024; giấy mượn xe lập ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa Công ty cổ phần S Có Ngay với bà Trương Bé N có đủ cơ sở xác định giữa bà Trương Bé N có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản với Công ty cổ phần S Có Ngay, loại xe tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám, biển kiểm soát 94K2 – 312.59, số khung: RLCUE3720NY104134; số máy: E32VE581896; giấy chứng nhận đăng ký xe số 000536 do Công an Tỉnh B cấp ngày 01/6/2023 cho bà Trương Bé N; Số tiền cầm cố 6.861.702 đồng, trừ phí đăng ký giao dịch đảm bảo 150.000 đồng, phí kiểm tra giá trị tài sản ban đầu 411.702 đồng. Đồng thời, Công ty cổ phần S Có Ngay trừ đi số tiền 3.200.000 đồng bà N còn dư nợ của hợp đồng trước đó tính đến ngày ký kết hợp đồng mới (24/4/2024). Như vậy, số tiền mà bà N thực nhận là 3.100.000 đồng và Công ty đã chuyển khoản cho bà N số tiền trên vào ngày 24/4/2024. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, từ đó Công ty cổ phần S Có Ngay khởi kiện bà N tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

[2.2]. Xét hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn xe được ký kết giữa Công ty cổ phần S Có Ngay với bà Trương Bé N cùng ngày 24/4/2024:

Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn xe lập ngày 24/4/2024 mà nguyên đơn cung cấp kèm đơn khởi kiện thể hiện giá trị hợp đồng 6.861.702 đồng, thời hạn cầm cố 06 tháng kể từ ngày 24/4/2024 đến ngày 24/10/2024, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng, cá nhân; ngày giải ngân là ngày 24/4/2024. Lãi suất cầm cố 1,1%/tháng số tiền cầm cố; lãi suất quá hạn 4%/tháng số tiền quá hạn/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; phí chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn; chi phí tố tụng 10%/ dư nợ gốc. Hợp đồng này được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm pháp luật, đồng thời bên khách hàng bà N và đại diện Công ty có ký tên đầy đủ. Do đó, hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn xe nêu trên là phù hợp pháp luật.

[2.3]. Căn cứ phiếu chi lập ngày 24/4/2024 do Công ty cổ phần S Có Ngay cung cấp; căn cứ Công văn số 04/SGCT/2025 ngày 21/01/2025 của Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh B xác định: Vào ngày 24/4/2024 bà Trương Bé N có phát sinh số tiền chuyển đến 3.100.000 đồng từ số tài khoản 0071001119438 (là số tài khoản của Công ty cổ phần S). Hội đồng xét xử xét thấy với các chứng cứ nêu trên phù hợp lời khai của bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần S Có Ngay trình bày, cụ thể: Bà N ký hợp đồng cầm cố xe cho Công ty cổ phần S Có Ngay, số tiền cầm cố tài sản là 6.861.702 đồng nhưng số tiền mà bà N thực nhận là 3.100.000 đồng. Lý do đã trừ phí đăng ký giao dịch đảm bảo 150.000 đồng, phí kiểm tra giá trị tài sản ban đầu 411.702 đồng, trừ đi số tiền 3.200.000 đồng bà N còn dư nợ của hợp đồng trước đó tính đến ngày ký kết hợp đồng mới (24/4/2024).

Từ đó Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N nhưng với các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có căn cứ xác định bà N có nhận số tiền 6.861.702 đồng từ Công ty cổ phần S Có Ngay.

[2.4]. Công ty cổ phần S Có Ngay xác định quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 24/5/2024. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán số tiền tính đến ngày 22/4/2024 là 10.364.601 đồng, trong đó nợ gốc 6.861.702 đồng, tiền lãi trong hạn 384.942 đồng, tiền lãi quá hạn 679.309 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 1.889.713 đồng, phí phạt vi phạm 548.936 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tiền lãi trong hạn, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí bảo dưỡng và hao mòn xe là những khoản phí, lãi có thỏa thuận trong hợp đồng và không trái pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Cần buộc bà N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 22/4/2025 là 10.364.601 đồng, trong đó nợ gốc 6.861.702 đồng, tiền lãi trong hạn 384.942 đồng, tiền lãi quá hạn 679.309 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 1.889.713 đồng, phí phạt vi phạm 548.936 đồng; bà N còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh (trong hạn, quá hạn), phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe từ ngày 23/4/2025 đến khi thanh toán hết nợ.

[3]. Ngoài ra, quá trình làm việc tại Tòa án, Công ty cổ phần S đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà N về việc yêu cầu bà N trả xe, thanh toán tổng số tiền 1.713.783 đồng, trong đó tiền lãi quá hạn 266.691 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ 121.223 đồng; phí trả chậm 386.723 đồng, phí tất toán hợp đồng trước hạn 83.263 đồng, chi phí tố tụng 855.883 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bà N về việc yêu cầu trả xe, yêu cầu bà N thanh toán tổng số tiền 1.713.783 đồng, trong đó tiền lãi quá hạn 266.691 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ 121.223 đồng; phí trả chậm 386.723 đồng, phí tất toán hợp đồng trước hạn 83.263 đồng, chi phí tố tụng 855.883 đồng.

[4]. Về án phí:

Bà N phải chịu số tiền án phí đối với số tiền mà bà N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay, cụ thể: $10.364.601 \text{ đồng} \times 5\% = 518.230 \text{ đồng}$, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí Công ty cổ phần S Có Ngay được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0004263 ngày 27/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[5]. Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 217, Điều 219, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 314 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bà Trương Bé N về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

2. Buộc bà Trương Bé N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 22/4/2025 là 10.364.601 đồng, trong đó nợ gốc 6.861.702 đồng, tiền lãi trong hạn 384.942 đồng, tiền lãi quá hạn 679.309 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 1.889.713 đồng, phí phạt vi phạm 548.936 đồng..

3. Kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2025 bà N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết đối với số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng đến khi thanh toán hết nợ.

4. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bà Trương Bé N về việc yêu cầu trả xe đã mượn, thanh toán tổng số tiền 1.713.783 đồng, trong đó tiền lãi quá hạn 266.691 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ 121.223 đồng; phí trả chậm 386.723 đồng, phí tất toán hợp đồng trước hạn 83.263 đồng, chi phí tố tụng 855.883 đồng.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bà Trương Bé N về việc yêu cầu trả xe đã mượn, thanh toán tổng số tiền 1.713.783 đồng, trong đó tiền lãi quá hạn 266.691 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ 121.223 đồng; phí trả chậm 386.723 đồng, phí tất toán hợp đồng trước hạn 83.263 đồng, chi phí tố tụng 855.883 đồng.

6. Về án phí: Bà Trương Bé N phải chịu số tiền án phí là 518.230 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí Công ty cổ phần S Có Ngay được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0004263 ngày 27/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thụy Lan Chi